TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/KDTM-PT
Ngày 10-8-2017
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng và bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Dũng

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hồng Quang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2017 về *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng và bồi thường thiệt hại về tài sản*".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nghiêm Xuân T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

Ông Nghiêm Xuân T ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng cho bà Phạm Thị Thúy K – Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền số 146/UQ-VCB ngày 01/3/2016.

Bà Phạm Thị Thúy K ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thu T – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng N, chi nhánh Quảng

Ngãi (Địa chỉ trụ sở làm việc: Đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), theo văn bản ủy quyền số 34/UQ-NHNT.QNg ngày 27/10/2016.

- *Bị đơn*: Công ty M.

Địa chỉ trụ sở: Cụm công nghiệp làng nghề Đ, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Đỗ D – chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty H.

Địa chỉ trụ sở: Cụm công nghiệp làng nghề Đ, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị T – chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Người kháng cáo*: Công ty M, là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Huỳnh Đỗ D có mặt; bà Trịnh Thị T vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2016, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty M (sau đây viết tắt là Công ty M) vay vốn tại Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng), theo các Hợp đồng tín dụng số 0423/12/NHNT.QNg ngày 07/12/2012, Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0127/15/NHNT.QNg ngày 02/6/2015; Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 037/16/NHNT.QNg ngày 27/5/2016. Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty M đã thế chấp tài sản là toàn bộ công trình gắn liền trên đất và máy móc thiết bị thuộc dự án "Nhà máy chế biến nguyên liệu giấy xuất khẩu tại Cụm công nghiệp làng nghề Đ, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi", theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 027/HĐTC-QNg ngày 24/02/2011; thế chấp Nhà làm việc, Nhà bảo vệ, Nhà máy băm gỗ, Nhà vệ sinh số 2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0142/14/HĐTC-QNg ngày 24/11/2014, giữa bên thế chấp là Công ty M với bên nhận thế chấp là Ngân hàng.

Công ty M làm ăn thua lỗ, mất cân đối tài chính. Tháng 6/2016, giữa các thành viên góp vốn của Công ty M có tranh chấp, tạm ngưng hoạt động, nên nợ đến hạn không thanh toán. Theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng yêu cầu Công ty M phải trả toàn bộ số nợ tính đến ngày 14/5/2017, số tiền 7.323.445.439 đồng (trong đó, nợ gốc là 6.932.401.381 đồng, nợ lãi trong hạn là 277.923.877 đồng, nợ lãi quá hạn là 113.120.181 đồng). Ngân hàng yêu cầu buộc Công ty M trả toàn bộ số nợ trên và tiếp tục trả lãi trên toàn bộ dư nợ gốc cho đến khi Công ty M trả xong các khoản nợ gốc. Trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài

sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty M tiếp tục có trách nhiệm trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Việc Công ty M phản tố yêu cầu Ngân hàng bồi thường cho Công ty M 100.000.000 đồng, do ngày 07/9/2016 Ngân hàng có Thông báo số 798/NHNT.QNg-KHDN về việc xử lý tài sản đảm bảo, dẫn đến Công ty M không thực hiện hợp đồng mua bán dăm gỗ keo khô nên phải bồi thường 100.000.000 đồng cho Công ty H (sau đây viết tắt là Công ty H). Nội dung này Ngân hàng đã giải trình bằng văn bản số 58/NHNT.QNg ngày 17/2/2017 và khẳng định việc Công ty M yêu cầu bồi thường là không có cơ sở, Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty M.

Theo các lời khai tại Tòa án và đơn phản tố đề ngày 13/01/2017, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Công ty M có thế chấp tài sản để vay vốn tại Ngân hàng, và hiện nay dư nợ gốc, lãi như nội dung Ngân hàng hàng khởi kiện là đúng. Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Công ty M chưa đồng ý trả nợ vì hiện nay Công ty M đang khởi kiện tranh chấp giữa các thành viên góp vốn về chấm dứt hợp đồng góp vốn, cũng như nghĩa vụ chịu trách nhiệm trả nợ số tiền thua lỗ, được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý vào ngày 07/12/2016. Công ty M đề nghị Tòa án nhân dân huyện N tạm đình chỉ chờ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết trước, để xác định nghĩa vụ trả nợ của từng thành viên. Sau đó, Công ty M căn cứ vào bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để xác định nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hoặc Tòa án đưa các thành viên góp vốn vào tham gia tố tụng để xác định nghĩa vụ trả nợ.

Đồng thời, Công ty M yêu cầu phản tố với nội dung: Tháng 6/2016, Công ty M tạm ngưng hoạt động để bảo dưỡng máy móc, đến tháng 8/2016 Công ty M ký hợp đồng mua bán dăm gỗ với Công ty H. Ngày 07/9/2016, Ngân hàng có Thông báo số 798/NHNT.QNg-KHDN về việc xử lý tài sản đảm bảo của Công ty M. Sau khi Công ty M nhận được văn bản này, thì đối tác là Công ty H không tiếp tục thực hiện hợp đồng, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng và Công ty M chịu phạt 100.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng. Việc Công ty M phải chấm dứt hợp đồng và nộp vi phạm hợp đồng là lỗi của Ngân hàng. Nên Công ty M yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng mà Công ty M đã nộp phạt cho Công ty H.

Tại bản tự khai ngày 13/02/2017, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 18/8/2016, Công ty H ký hợp đồng số 01/2016/HPS-MT và ngày 24/8/2016 ký phụ lục hợp đồng với Công ty M, nội dung Công ty M sẽ bán cho Công ty H 30.000 tấn dăm gỗ keo khô. Trong các ngày 21 và 22/9/2016, Công ty M ứng trước 2.050.000.000 đồng. Ngày 07/9/2016, Ngân hàng có văn bản số 798/NHNT.QNg-KHDN về việc xử lý tài sản thế chấp của Công ty M, sau khi nắm được thông tin, Công ty H cho rằng Công ty M không thể thực hiện hợp đồng vì tài sản bị Ngân hàng thông báo sẽ xử lý. Công ty H và Công ty M họp thống nhất chấm dứt hợp đồng, Công ty M hoàn trả tiền tạm ứng 2.050.000.000

đồng và chịu phạt 100.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng, Công ty M đã thanh toán cho Công ty H xong. Trước yêu cầu khởi kiện phản tố của Công ty M, Công ty H thấy rằng, việc chấm dứt thực hiện hợp đồng và phạt hợp đồng là do Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty M, nên Công ty M yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại 100.000.000 đồng là đúng.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc Công ty M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền 7.323.445.439 đồng (trong đó, nợ gốc là 6.932.401.381 đồng, nợ lãi trong hạn là 277.923.877 đồng, nợ lãi quá hạn là 113.120.181 đồng). Công ty M còn phải tiếp tục trả lãi đối với khoản tiền nợ gốc, kể từ ngày 15/5/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 0423/12/NHNT.QNg ngày 07/12/2012; Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0127/15/NHNT.QNg ngày 02/6/2015; Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 037/16/NHNT.QNg ngày 27/5/2016. Trường hợp Công ty M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản của bên thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 027/HĐTC-QNg ngày 24/02/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0142/14/HĐTC-QNg ngày 24/11/2014. Tài sản thế chấp nêu trên được xử lý tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm nợ vay sau khi xử lý nếu không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ trên, thì Công ty M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng đến khi tất toán xong các khoản nợ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với khởi kiện phản tố của Công ty M về việc yêu cầu Ngân hàng N phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, mà Công ty M đã nộp phạt cho Công ty H do vi phạm hợp đồng. Công ty M có quyền khởi kiện lại yêu cầu phản tố theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Công ty M phải chịu 115.323.445 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

Sung quỹ Nhà nước 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí khởi kiện phản tố của Công ty M do bị đình chỉ, số tiền 3.000.000 đồng Công ty M đã nộp tại biên lai thu tiền số 011649 ngày 24/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Hoàn trả cho Ngân hàng N 57.561.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 011625 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 02/6/2017, bị đơn Công ty M có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện N để xét xử lại;

Công ty M chỉ nhất trí với số liệu nợ Ngân hàng tính đến ngày 14/5/2017 theo như quyết định của bản án kể trên là 7.323.445.439 đồng (trong đó có 6.932.401.381 đồng là nợ gốc, 277.923.877 đồng là nợ lãi trong hạn, 113.120.181 đồng là nợ lãi quá hạn), nhưng Công ty không đồng ý trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 13/01/2017 Công ty M có đơn khởi kiện phản tố và tài liệu nộp kèm theo, yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng chịu 100.000.000 đồng tiền phạt mà Công ty M đã trả cho Công ty H. Ngày 20/01/2017 ông D là đại diện theo pháp luật của Công ty M, có đơn xin rút lại đơn khởi kiện phản tố. Tính từ ngày 20/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm Công ty M không có đơn khởi kiện phản tố, nhưng ngày 24/01/2017 Tòa án sơ thẩm thông báo cho Công ty M nộp tiền tạm ứng án phí phản tố, Bản án sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu phản tố với lý do, triệu tập ông D bốn lần nhưng ông D vắng mặt, như vậy việc đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của Công ty M và sung công quỹ nhà nước tiền tạm ứng án phí của Công ty M là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản của Công ty M đều ghi sai năm của Hợp đồng thế chấp. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/02/2017, ông Bùi Quốc T không được ủy quyền của Giám đốc ngân hàng nhưng vẫn tham gia, tại phiên họp Thẩm phán không công khai tài liệu phản tố do bị đơn cung cấp. Biên bản phiên tòa ngày 18/4/2017 có sự mâu thuẫn về việc có mặt hay vắng mặt của bà T, là đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về lại cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 07/12/2016, Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng) có đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp được miêu tả, liệt kê trong hai Hợp đồng thế chấp tài sản số 027/HĐTC.QNg ngày 24/02/2011 và số 0142/HĐTC.QNg ngày 24/11/2014, giữa bên thế chấp là Công ty M với bên nhận thế chấp là Ngân hàng (Bút lục 261 đến 263). Ngày 19/12/2016, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp được miêu tả, liệt kê trong hai Hợp đồng thế chấp tài sản số 027/HĐTC.QNg ngày 24/02/2011 và "*số 0142/HĐTC.QNg ngày 24/11/2011*" (Bút lục 264); đồng thời các văn bản tố tụng do Tòa án cấp sơ thẩm ban hành liên quan đến việc xem xét, thẩm định tại chỗ đều thể hiện Hợp đồng thế chấp tài sản là Hợp đồng "*số 0142/HĐTC.QNg ngày 24/11/2011*" (Bút lục 265 đến 267); Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ

ngày 22/12/2016 của Tòa án cấp sơ thẩm, cũng thể hiện là Hợp đồng thế chấp tài sản "*số 0142/HĐTC.QNg ngày 24/11/2011*" (Bút lục 270 đến 274), là không đúng với nội dung đơn yêu cầu của Ngân hàng và không đúng với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vì trong hồ sơ vụ án không có Hợp đồng thế chấp tài sản "*số 0142/HĐTC.QNg ngày 24/11/2011*". Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đối với trình tự xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 07/12/2016, Ngân hàng nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (Bút lục 269). Ngày 22/12/2016, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như trong Bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2016 là bao nhiêu tiền, và không hỏi ý kiến các đương sự về việc người nào chịu chi phí hay có thỏa thuận chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2016, cũng như không buộc đương sự nào chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước đó, là không đúng với quy định tại các Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ngày 28/12/2016, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 04/01/2017, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo số 09/TB-TA về việc thay đổi thời gian công khai chứng cứ và hòa giải, vì lý do Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án bận công tác và ấn định mở lại phiên họp vào ngày 06/02/2017. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/02/2017, thành phần tham gia gồm có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Quốc T, đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Huỳnh Đỗ D (Bút lục 305, 311). Tuy nhiên, theo văn bản ủy quyền số 01/UQ-NHNT.QNg ngày 04/01/2017 của Ngân hàng, ông Bùi Quốc T chỉ được Giám đốc ngân hàng ủy quyền tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/01/2017 và văn bản ủy quyền này cũng chỉ có "*hiệu lực đến hết ngày 06/01/2017*" (Bút lục 238, 239), việc ông Bùi Quốc T vẫn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/02/2017 mà không có văn bản ủy quyền của Giám đốc ngân hàng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận để ông T tham gia phiên họp là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thành phần tham gia phiên họp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 16/01/2017, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được Đơn phản tố đề ngày 13/01/2017 của Công ty M (cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo) với nội dung: Yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại 100.000.000 đồng mà Công ty M phải nộp phạt cho Công ty H do lỗi của Ngân hàng (Bút lục 374 đến 378). Ngày 06/02/2017, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố của Công ty M và tống đạt Thông báo này cho Công ty H vào lúc "*09 giờ 30 ngày 06/02/2017*" (Bút lục 414). Lúc 13 giờ 30 phút ngày 06/02/2017, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (Bút lục 302 đến 305), Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã

thông qua các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã nộp, nhưng riêng đối với chứng cứ của bị đơn thì Thẩm phán chỉ công bố bao gồm các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn đã nộp vào ngày 21/11/2016, còn các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn đã nộp kèm theo đơn phản tố ngày 13/01/2017, thì Tòa án cấp sơ thẩm không công bố trong phiên họp này (Bút lục 302), là không đúng với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/02/2017, Tòa cấp sơ thẩm tiến hành phiên hòa giải (Bút lục 306 đến 311), qua nội dung Biên bản hòa giải, thì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm hoàn toàn không đề cập đến yêu cầu phản tố của bị đơn, trong khi trước đó bị đơn đã có yêu cầu phản tố yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng; đồng thời, trong phần "*Những nội dung những người tham gia phiên hòa giải đã thỏa thuận được và không thỏa thuận được*" của Biên bản hòa giải, về ý kiến của bị đơn có nội dung "*Công ty M sẽ nộp đơn yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại và cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án vào ngày 13/01/2017*" (Bút lục 306), là không đúng với thời gian của phiên hòa giải và nội dung của vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 200, khoản 4 Điều 210 và khoản 3 Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ngày 01/3/2017, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/3/2017, trong nội dung Thông báo thể hiện "*Nội dung các vấn đề cần hòa giải bao gồm: Công ty M yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án nhân dân huyện N tuyên xử buộc Ngân hàng N chi nhánh Quảng Ngãi phải chịu số tiền nộp phạt 100.000.000 đồng*", hoàn toàn không đề cập đến việc hòa giải liên quan đến yêu cầu của Ngân hàng (Bút lục 444). Theo quy định tại Điều 10 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 "*Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự*", và tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật này "*Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án*". Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành mở phiên hòa giải để hòa giải liên quan đến nội dung phản tố của bị đơn, mà không đề cập đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là không đúng với nguyên tắc hòa giải, không tạo điều kiện để các đương sự có cơ hội thỏa thuận với nhau nhằm giải quyết triệt để vụ án.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 16/01/2017, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được Đơn phản tố của bị đơn đề ngày 13/01/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo (Bút lục 374 đến 378). Ngày 20/01/2017, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Huỳnh Đỗ D có Đơn xin rút lại đơn khởi kiện phản tố với nội dung "*xin nhận lại đơn khởi kiện phản tố và các tài liệu chứng cứ kèm theo… sau này có phản tố thì tôi làm đơn gởi cho Tòa án huyện N*", và ông D cũng xác định trong đơn "*Tôi đã nhận lại đơn phản tố và các tài liệu kèm theo*" (Bút lục 312). Như vậy tính từ sau ngày 20/01/2017, bị đơn đã không có yêu cầu phản tố, nhưng đến ngày 24/01/2017, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí

với nội dung "*sau khi xem xét đơn phản tố của Công ty M và các tài liệu, chứng cứ kèm theo*" và yêu cầu Công ty M nộp tạm ứng án phí số tiền 3.000.000 đồng, nên Công ty M đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/011649 ngày 24/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 06/02/2017, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của Công ty M. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, sau khi bị đơn đã có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố, trên cơ sở đơn khởi kiện phản tố đề ngày 13/01/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*".

Khi tính tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm tính tạm ứng 3.000.000 đồng là chưa chính xác, mức tính đúng phải là (100.000.000 đồng x 5%) : 2 = 2.500.000 đồng, theo quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12. Bởi vì, vụ án kinh doanh, thương mại được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vào ngày 07/11/2016, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chỉ khi thụ lý mới vụ việc dân sự (sơ thẩm, phúc thẩm) kể từ ngày 01/01/2017 thì mới áp dụng các quy định của Nghị quyết 326 nêu trên đối với các vấn đề về tạm ứng án phí, án phí, còn trước đó thì vẫn áp dụng các quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

[5] Tại phiên tòa ngày 19/4/2017, bà Trịnh Thị T là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H có mặt tại phiên tòa. Nhưng trong "*Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa*" của Biên bản phiên tòa ngày 19/4/2017, khi Thư ký báo cáo danh sách đương sự có mặt, vắng mặt cho Hội đồng xét xử lại xác định "*bà T vắng mặt lần thứ 1 không có lý do*", trong khi bà T có mặt, đồng thời đây là phiên tòa được mở lại lần thứ 2 (phiên tòa đầu tiên ngày 12/4/2017 bà T vắng mặt không có lý do), là báo cáo không đúng với diễn biến thực tế của phiên tòa (Bút lục 496). Đồng thời, cũng trong "*Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa*", Chủ tọa phiên tòa không hỏi bà Trịnh Thị T về việc có yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng không, Chủ tọa chỉ hỏi người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về vấn đề này là vi phạm quy định tại khoản 14 Điều 70 và khoản 6 Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, trong phần "*Nhận định của Tòa án*", Hội đồng xét xử sơ thẩm không đánh giá đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa theo như hướng dẫn tại phần (26) của biểu mẫu bản án dân sự sơ thẩm, được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, là thiếu sót.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự, không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm, nên cần phải hủy toàn bộ Bản án kinh doanh,

thương mại sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng trình tự thủ tục sơ thẩm. Tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, tạm ứng án phí phản tố, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đối với kháng cáo của Công ty M, lý do Công ty M đưa ra để yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm là Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Đỗ D – Giám đốc công ty. Hội đồng xét xử xét lý do yêu cầu hủy bản án của Công ty M, thấy rằng: Ông Huỳnh Đỗ D đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ 04 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên nhân vắng mặt của ông D không thuộc trường hợp vắng mặt do bất khả kháng, được quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không chấp nhận lý do kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm mà Công ty M đưa ra. Đối với nội dung kháng cáo chỉ nhất trí với số liệu nợ Ngân hàng tính đến ngày 14/5/2017 là 7.323.445.439 đồng (trong đó có 6.932.401.381 đồng là nợ gốc, 277.923.877 đồng là nợ lãi trong hạn, 113.120.181 đồng là nợ lãi quá hạn) nhưng Công ty M không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử không xem xét, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[8] Do hủy Bản án sơ thẩm nên Công ty M không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty M.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là có cơ sở, đúng pháp luật và giống với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Hủy bán án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí phản tố, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

4. Công ty M không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty M 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số AA/2010/011744 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *TAND huyện N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương